

Số: 11 /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2979/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

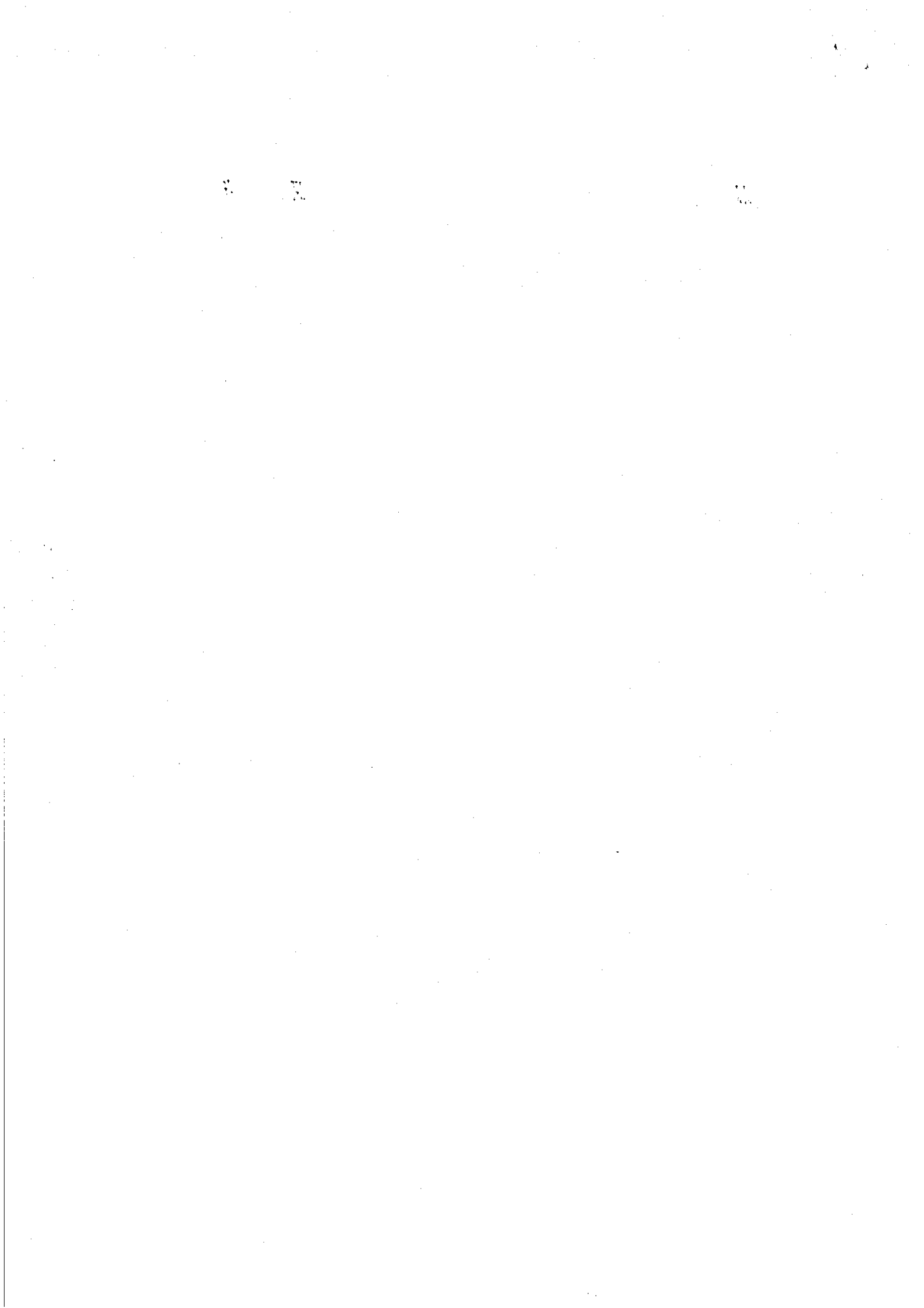
Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BTP ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tư pháp quy định về chế độ báo cáo trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 158/TTr-STP ngày 31 tháng 01 năm 2019,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2979/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

a) Khoản 1 được sửa đổi như sau:

“1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;”

b) Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 Điều 3 như sau:

“8. Phối hợp kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp.”

2. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Phối hợp xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền chủ trì, phối hợp đề xuất xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về xử lý vi phạm hành chính;

c) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý của ngành, đơn vị, địa phương; kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn hoặc gửi kiến nghị đến Sở Tư pháp để tổng hợp.

2. Sở Tư pháp:

a) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp về những vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại ngành, đơn vị, địa phương; đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định;

b) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố.”

3. Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 10. Phối hợp xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin về xử lý vi phạm hành chính do đơn vị mình thực hiện đến hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc quản lý, cập nhật thông tin, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.”

4. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 12. Phối hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo định kỳ 06 tháng và hàng năm. Thời điểm lấy số liệu báo cáo 06 tháng tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm; đối với báo cáo năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 05 tháng 7 (đối với báo cáo 06 tháng); trước ngày 05 tháng 01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hàng năm).

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan được tổ chức theo ngành dọc, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình gửi Sở Tư pháp trước ngày 10 tháng 7 (đối với báo cáo 06 tháng); trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hàng năm) để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, dự thảo Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; gửi dự thảo báo cáo đến Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 15 tháng 7 (đối với báo cáo 06 tháng); trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hàng năm) để gửi Bộ Tư pháp theo quy định.”

5. Bổ sung Điều 12a vào sau Điều 12 như sau:

“Điều 12a. Phối hợp kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp

1. Các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp thực hiện kiểm tra:

a) Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng hình thức “Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính” hoặc phải gia hạn thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

b) Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong quá trình giải quyết cần xin ý kiến của Sở Tư pháp hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trách nhiệm phối hợp:

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Cung cấp văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại điểm a khoản 1 Điều này cho Sở Tư pháp để kiểm tra sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; sau 05 ngày, kể từ ngày thi hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, gửi Sở Tư pháp kết quả thi hành để tổng hợp, theo dõi quá trình thực hiện.

Đối với hồ sơ tại điểm b khoản 1 Điều này, trong trường hợp cần xin ý kiến, đơn vị tập hợp đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan, gửi Sở Tư pháp.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: Gửi Sở Tư pháp Quyết định xử phạt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành để tổng hợp, theo dõi.

c) Sở Tư pháp:

Kiểm tra các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính tại khoản 1 Điều này; đề xuất xử lý đối với các hồ sơ chưa phù hợp quy định của pháp luật;

Tổng hợp, theo dõi thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố;

Tham gia ý kiến đối với các hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính thuộc điểm b khoản 1 Điều này khi Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo hoặc các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xin ý kiến”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn

thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2019.

2. Quyết định này bãi bỏ: Khoản 1 Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 10, Điều 12 Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2979/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận: ✓

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Cục QLXLVPHC&TDTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Như Điều 2;
- C, PVP UBNDTP;
- Các Phòng CV;
- Đài PTTHHP, Báo HP, Công TTĐTTP, Công báo TP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Tùng